

KẾ HOẠCH

V/v thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2021-2022

Căn cứ Luật giáo dục; Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/3/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 31/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ GD&ĐT quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên;

Căn cứ thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 16/08/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2021-2022 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/ 11/ 2013 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành qui định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục công lập của Thành phố Hà Nội và Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND TP Hà Nội về bãi bỏ Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND;

Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 9 năm 2021 của HĐND Thành phố Hà Nội quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch Covid-19;

Căn cứ Hướng dẫn số 35/HD-PGDĐT ngày 03/9/2021 của Phòng GD&ĐT Hoài Đức về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 cấp THCS

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-THCSTY ngày 09/9/2021 của trường THCS Tiên Yên về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức năm học 2021-2022, ngày 07/10/2021;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường năm học 2021-2022

Trường THCS Tiên Yên xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2021-2022 như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục để người học, các thành viên của nhà trường, xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường và công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Tiên Yên năm học

- Thực hiện công khai, quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, để học sinh, phụ huynh, tập thể CB, GV, NV và nhân dân tham gia giám sát theo quy định của pháp luật.

- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THCS Tiên Yên năm học; bồi dưỡng cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Công khai cam kết chất lượng giáo dục:

- Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục mà nhà trường giảng dạy, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường (phòng học, thiết bị dạy học, tin học...); các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, tình hình đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả học lực, hạnh kiểm, sức khỏe của học sinh, dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b. Công khai về chất lượng giáo dục thực tế:

- Sĩ số học sinh trong từng lớp, từng khối lớp, số học sinh nam, nữ từng lớp.

- Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối năm học tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Huyện, cấp Tỉnh về các bộ môn văn hóa, về các cuộc thi trên mạng: Thi giải toán, thi tiếng Anh, các cuộc thi về TĐTT; tỉ lệ học sinh đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp THCS, đỗ vào lớp 10 – THPT hệ công lập,

- Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, cơ quan chủ quản đánh giá (đánh giá ngoài) công nhận đạt hoặc chưa đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a. Cơ sở vật chất:

- Về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng Internet, tường rào bảo vệ trường.

b. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo, tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên, hình thức tuyển dụng (biên chế hay hợp đồng làm việc); các hình thức hợp đồng khác theo NĐ 68; trình độ đào tạo (Có danh sách trích ngang đính kèm)

- Số lượng cán bộ, giáo viên và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và những năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a. Tình hình tài chính của nhà trường:

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính về ngân sách nhà nước hỗ trợ.

b. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học:

- Mức thu học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học thực hiện công khai:

- Mức thu học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học thực hiện công khai:

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ GD&ĐT quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên;

Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 9 năm 2021 của HĐND Thành phố Hà Nội quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch Covid-19;

Căn cứ Hướng dẫn số 35/HD-PGDĐT ngày 03/9/2021 của Phòng GD&ĐT Hoài Đức về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 cấp THCS

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-THCSTY ngày 09/9/2021 của trường THCS Tiên Yên về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022

Công văn số 172/BHXH, ngày 31/8/2021 của BHXH Hoài Đức về việc hướng dẫn thực hiện BHYT HSSV năm học 2021-2022.

Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về dạy thêm học thêm; Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 Bộ GD&ĐT về việc công bố hết hiệu lực các điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư 17; Công văn số 5502/SGDĐT-GDPT ngày 09/12/2019 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc thực hiện các qui định về dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường; Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND TP Hà Nội quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn thành phố Hà Nội, Công văn số 2962/SGDĐT-GDPT, ngày 16/7/2018 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc thực hiện qui định về dạy thêm, học thêm. Hướng dẫn số 50/HD-UBND ngày 06/08 /2013 của UBND huyện Hoài Đức về việc thực hiện qui định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn huyện Hoài Đức; Hướng dẫn của Phòng GD&ĐT Hoài Đức về dạy thêm, học thêm

c. Công khai các khoản chi năm học:

- Chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập của giáo viên, cán bộ quản lý (mức cao nhất, mức thấp nhất), chi thường xuyên, chi đầu tư sửa chữa, chi đầu tư xây dựng, mua sắm.

- Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả thanh, kiểm tra (nếu có). Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức:

- Công khai trên đài truyền thanh xã
- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường trên bảng tin đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.
- Công khai trong các kỳ đại hội, họp ban đại diện CMHS, sơ kết, tổng kết năm học.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào đầu năm học, cuối học kỳ I và khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (đầu tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu:

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công khai trong nhà trường
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban chỉ đạo
- + Trưởng Ban: Tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trong Hội đồng sư phạm nhà trường, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các

nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện sơ, tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

+ Phó trưởng ban: Triển khai Kế hoạch công khai đến từng thành viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo

+ Ủy viên trong ban chỉ đạo: Thực hiện theo sự phân công của trưởng, phó ban, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu: 09-12 báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính; đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo Phòng Giáo dục- Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

2. Ban thanh tra nhân dân:

Dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn nhà trường làm tốt công tác kiểm tra theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện công khai năm học

3. Tổ chuyên môn- Tổ hành chính

Chỉ đạo trực tiếp các tổ viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 09, 10, 11, 12 và điều hành kê khai báo cáo thu chi tài chính; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính; Tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội qui, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ, kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo với trưởng Ban về tình hình triển khai thực hiện công tác công khai

4. Các Đoàn thể:

Phối kết hợp giám sát, hoàn thiện thêm thông tin để làm tốt công tác công khai trong nhà trường.

5. Chế độ báo cáo:

+ Báo cáo kết quả thực hiện công khai năm học 2020-2021 và kế hoạch triển khai công tác công khai năm học 2021-2022 cho phòng GD&ĐT Hoài Đức trước 30/10/2021.

+ Đưa lên website của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2021-2022 của trường THCS Tiền Yên.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để bc)
- Công khai văn phòng trường
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đăng Lực

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Tiên Yên
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	90	95	92	105
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	90	95	92	105
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	90	95	92	105
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	90	95	92	105
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	90	95	92	105
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	90	95	92	105

Tiên Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đăng Lục

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Tiền Yên
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm và Rèn luyện (Đối với lớp 6)		90	95	92	105
1	Tốt	346	82	87	82	95
	(tỷ lệ so với tổng số)	90,6	91,1	91,6	89,1	90,5
2	Khá	28	6	6	8	8
	(tỷ lệ so với tổng số)	7,3	6,7	6,3	8,7	7,6
3	Trung bình (Đạt đối với lớp 6)	8	2	2	2	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	2,1	2,2	2,1	2,2	1,9
4	Yếu (Chưa đạt đối với lớp 6)					
	(tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	382	90	95	92	105
1	Giỏi	103	24	26	24	29
	(tỷ lệ so với tổng số)	27,0	26,7	27,4	26,1	27,6
2	Khá	155	36	38	38	43
	(tỷ lệ so với tổng số)	40,6	40	40	41,3	41
3	Trung bình (Đạt đối với lớp 6)	115	28	29	27	31
	(tỷ lệ so với tổng số)	30,1	31,1	30,5	29,3	29,5
4	Yếu (Chưa đạt đối với lớp 6)	9	2	2	3	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	4,2	2,2	2,1	3,3	1,9
5	Kém (Lớp 6 không xếp loại kém)					
	(tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)					

	(tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	22				22
1	Cấp huyện	22				22
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	92				92
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	91				91
1	Giỏi	34				34
	(tỷ lệ so với tổng số)	37,0				37,0
2	Khá	34				34
	(tỷ lệ so với tổng số)	37,0				37,0
3	Trung bình	23				23
	(tỷ lệ so với tổng số)	24,9				24,9
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	208/174	53/37	55/40	48/44	53/52
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0				

Tiền Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đăng Lục

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Tiền Yên
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	1,7/hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	0	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	-
7	Bình quân lớp/phòng học	12/12	-
8	Bình quân học sinh/lớp	32	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4596	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	52/phòng	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	25	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	50	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12/12	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	12/12	12/12
1.1	Khối lớp 6	2/3	2/3
1.2	Khối lớp 7	2/3	2/3
1.3	Khối lớp 8	2/3	2/3
1.4	Khối lớp 9	2/3	2/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1/3	1/3
2.2	Khối lớp 6	1/3	1/3
2.3	Khối lớp 6	1/3	1/3
2.4	Khối lớp 9	1/3	1/3
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	09	Số học sinh/bộ

(Đơn vị tính: bộ)			
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác...	11	
6	Máy in	04	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác...	11	
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2/2	4	2/2		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

